

Điểm bài thi		Họ tên, chữ ký của giám khảo	Số phách
Bằng số	Bằng chữ	1. 2.	

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng

Câu 1. Quá trình nào sau đây chỉ xảy ra biến đổi vật lý?

- A. Đốt cháy củi trong bếp. B. Thắp sáng bóng đèn sợi đốt.
C. Đốt sợi dây đồng trên ngọn lửa đèn cồn D. Để sợi dây thép ngoài không khí ẩm bị gỉ.

Câu 2. Phản ứng tỏa nhiệt là:

- A. Phản ứng có nhiệt độ lớn hơn môi trường xung quanh
B. Phản ứng có nhiệt độ nhỏ hơn môi trường xung quanh
C. Phản ứng có nhiệt độ bằng môi trường xung quanh
D. Phản ứng không có sự thay đổi nhiệt độ

Câu 3: Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

- A. Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng sản phẩm nhỏ hơn tổng khối lượng các chất tham gia phản ứng.
- B. Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng sản phẩm bằng tổng khối lượng các chất tham gia phản ứng.
- C. Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng sản phẩm lớn hơn tổng khối lượng các chất tham gia phản ứng.
- D. Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng sản phẩm nhỏ hơn hoặc bằng tổng khối lượng các chất tham gia phản ứng.

Câu 4. Để đánh giá mức độ xảy ra nhanh hay chậm của một phản ứng hoá học người ta dùng đại lượng nào sau đây ?

- A. Độ tan
B. Tốc độ phản ứng.
C. Nồng độ dung dịch.
D. Thể tích chất tham gia phản ứng.

Câu 5. Chất nào sau đây là acid?

- A. HCl. B. NaCl. C. Ba(OH)₂. D. MgSO₄.

Câu 6. Acetic acid có ứng dụng nào sau đây?

- A. Sản xuất chất dẻo.**
B. Xử lý PH nước bể bơi.
C. Sản xuất chất tẩy rửa.
D. Chế biến thực phẩm.

Câu 7. Một số biện pháp để phòng bệnh về tiêu hoá:

1. Thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm
2. Không ăn rau

Phòng thi số:

Số thứ tư.....

Số phách

Họ và tên thí sinh:	SBD	1
Lớp:..... Trường THCS:		2

Lớp:..... Trường THCS:	2
------------------------------	---------

Thí sinh không viết vào phần gạch chéo này

3. Chế độ dinh dưỡng hợp lý
4. Xây dựng thói quen ăn uống lành mạnh
5. Sử dụng nhiều chất kích thích

A. 1, 2, 3. B. 1, 3, 4. C. 2, 5. D. 1, 3, 5.

Câu 8: Phổi có chức năng gì trong hệ hô hấp?

A. làm sạch, làm ẩm, làm ẩm không khí. B. dẫn khí, điều hòa lượng khí vào phổi.

C. làm sạch không khí.

D. thực hiện trao đổi khí .

Câu 9. Lấy tay tác dụng vào cánh cửa các lực khác nhau theo chiều mũi tên biểu diễn như ở hình dưới đây. Trường hợp nào lực làm quay cánh cửa?



(a)



(b)



(c)

A. (a), (b). B. (a), (c). C. (c). D. (b)

Câu 10. Đơn vị đo áp suất là

A. N/m^2 . B. N/m^3 . C. kg/m^3 . D. N .

II. TỰ LUẬN (7,5 điểm)

Câu 11 (1 điểm). Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng?.

Câu 12 (2 điểm). Quan sát hình bên

a) Nêu hiện tượng của phản ứng khí cho thanh kim loại magnesium tác dụng với dung dịch hydrochloric acid HCl

b) Viết phương trình hóa học của phản ứng?.



c) Tính thể tích khí Hydrogen thu được ở điều kiện chuẩn, khi hoàn tan hoàn toàn 2,4 gam magnesium trong dung dịch acid trên?

d) Khí hydrogen thì được nặng hay nhẹ hơn không khí. Vì sao?

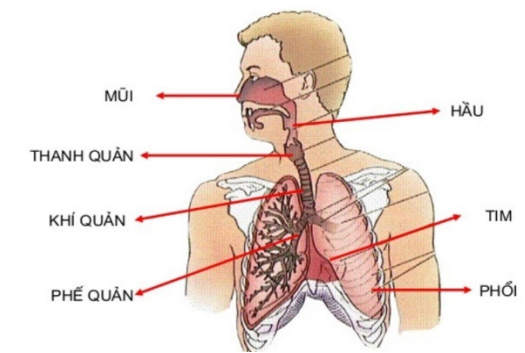
Câu 13 (1,0 điểm)

Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương).

Câu 14 (1,0 điểm)

a) Quan sát hình vẽ hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp.

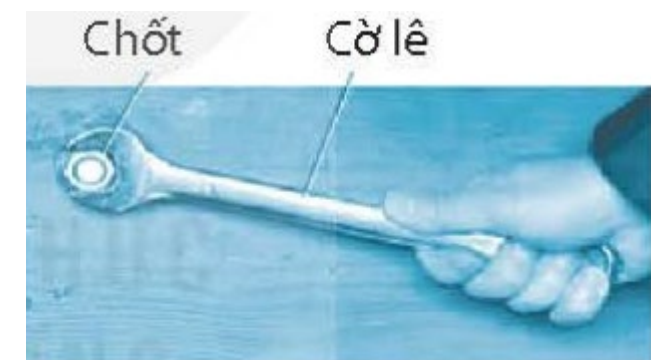
b) Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp.



Câu 15 (1,5 điểm)

a) Tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục phụ thuộc vào các yếu tố nào?

b) Hình dưới đây cho thấy một bác thợ dùng cờ lê để vặn một cái bu lông, lực tác dụng của bác thợ đẩy vào tay cầm của cờ lê làm nó quay. Dựa vào kiến thức đã học, giải thích vị trí đặt tay giải thích vị trí đặt tay của bác thợ khi dùng cờ lê.



Câu 16 (1,0 điểm)

Một miếng gỗ có thể tích 1 dm^3 . Biết khối lượng riêng của miếng gỗ là 970 kg/m^3

a) Tính khối lượng của miếng gỗ trên.

b) Thả miếng gỗ trên vào dầu nó nổi hay chìm? Giải thích vì sao? Biết khối lượng riêng của dầu là 800 kg/m^3 .

[illegible]

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ 1
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1 môn Khoa học tự nhiên, lớp 8

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra học kì 1
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 25% trắc nghiệm, 75% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - **Mức độ đề:** % Nhận biết; % Thông hiểu; % Vận dụng.
 - **Phần trắc nghiệm:** 2,5 điểm, (gồm 10 câu hỏi: nhận biết: câu, thông hiểu: câu), mỗi câu 0,25 điểm;
 - **Phần tự luận:** 7,5 điểm (Nhận biết: điểm; Thông hiểu: điểm; Vận dụng: điểm).

Chủ đề		MỨC ĐỘ								Tổng số ý tự luận/ Số câu TN (Số yêu cầu cần đạt)		Điểm số thực tế
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tự luận	Trắc nghiệm	
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Thực tế	Thực tế	
Phản ứng hóa học	17	1c-1d	3		1	2y -1d				3	4	3
Acid	3		2	1y - 0,5		1 ý - 0,5d				2 ý -1d	2	1,5
Khối lượng riêng và áp suất	11	1	1			1				2	1	1,25
Tác dụng làm quay của lực	9	1	1			1				2	1	1,75
Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người	3			1						1	0	0,25
Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	3			1	1					1	1	1,25
Hệ hô hấp ở người	3			1						1	0	1
Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)												
Điểm số												
Tổng số điểm												

b) Bản đặc tả

Nội dung và đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Câu số)	TN (Câu số)
1. Mở đầu (3 tiết)						
	Nhận biết	– Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong môn Khoa học tự nhiên 8.				
		– Nêu được quy tắc sử dụng hoá chất an toàn (chủ yếu những hoá chất trong môn Khoa học tự nhiên 8).				
		– Nhận biết được các thiết bị điện trong môn Khoa học tự nhiên 8.				
		– Trình bày được cách sử dụng điện an toàn.				
2. Phản ứng hoá học (17 tiết)						
Biến đổi vật lí và biến đổi hoá học	Nhận biết	– Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học.				
	Thông hiểu	–Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học.		1		C1
Phản ứng hoá học	Nhận biết	– Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm.				
		– Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm.				
		– Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra.				
	Vận dụng	– Tiến hành được một số thí nghiệm về sự biến đổi vật lí và biến đổi hoá học.				
Năng	Nhận	– Nêu được khái niệm về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt.		1		C2

lượng trong các phản ứng hoá học	biết	– Trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng toả nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu).				
		– Đưa ra được ví dụ minh hoạ về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt.				
Định luật bảo toàn khối lượng	Nhận biết	– Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng.		1		C3
	Vận dụng	–Tiến hành được thí nghiệm để chứng minh: Trong phản ứng hoá học, khối lượng được bảo toàn.				
Phương trình hoá học	Nhận biết	– Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học.				
	Vận dụng	– Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học.				
		– Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể.				
Mol và tỉ khối của chất khí	Nhận biết	– Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử).				
		– Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí.				
		– Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 °C				
	Thông hiểu	– Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m)				
		– So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối.	1 ý		C12d	
		– Sử dụng được công thức $n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(\text{L / mol})}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C.				
Tính theo phương	Nhận biết	– Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng				

trình hoá học	Vận dụng	– Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C.	1 ý		C12c	
		– Tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.				
Nồng độ dung dịch	Nhận biết	– Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau.				
		– Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol.				
	Thông hiểu	– Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức.				
	Vận dụng	– Tiến hành được thí nghiệm pha một dung dịch theo một nồng độ cho trước.				
3. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác (4 tiết)						
Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	Nhận biết	– Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học).		1		C4
		– Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế.	1		C11	
	Vận dụng	Tiến hành được thí nghiệm và quan sát thực tiễn: + Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng. + Nêu được khái niệm về chất xúc tác. + So sánh được tốc độ một số phản ứng hoá học.				
4. Acid (3 tiết)						
Acid (axit)	Nhận biết	– Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H ⁺).		1		C5
		– Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H ₂ SO ₄ , CH ₃ COOH).		1		C6

	Vận dụng	– Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid.	2 ý		C12 a.b	
5. Khối lượng riêng và áp suất (11 tiết)						
Khái niệm khối lượng riêng Đo khối lượng riêng	Nhận biết	Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, <i>khối lượng riêng = khối lượng/thể tích</i> .	1		C16a	
		Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùng.		1		C10
	Vận dụng	Thực hiện thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật, của một vật có hình dạng bất kì, của một lượng chất lỏng				
Áp suất trên một bề mặt Tăng, giảm áp suất	Nhận biết	Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột				
		Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng				
	Vận dụng	Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, <i>áp suất = áp lực/diện tích bề mặt</i>				
		Thực hiện thí nghiệm khảo sát tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong chất lỏng, rút ra được: Điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm;-định luật Archimedes (Acsimet)	1		C16b	
Áp suất trong chất lỏng Áp suất trong chất khí		Thảo luận được công dụng của việc tăng, giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế				
	Nhận biết	Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh họa				
	Thông hiểu	Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xịt, tàu đệm khí)				

Áp suất khí quyển	Vận dụng	Thực hiện được thí nghiệm để chứng tỏ tồn tại áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng theo mọi phương				
6. Tác dụng làm quay của lực (9 tiết)						
1. Lực có thể làm quay vật	Nhận biết	Thực hiện thí nghiệm để mô tả được tác dụng làm quay của lực		1		C9
2. Đòn bẩy và moment lực	Nhận biết	Nêu được: tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực	1		C15a	
		Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn				
	Vận dụng	Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực				
		Sử dụng kiến thức, kĩ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn	1		C15b	
7. Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người	Nhận biết	Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng.				
		Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người.				
		Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm				
		Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến				
		Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm				
	Thông hiểu	Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá				
		Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hóa ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hóa. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá				
		Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi				

		Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...).		1		C7
		Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ minh họa				
		Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm				
		Trình bày được cách bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn				
		Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống các bệnh này				
	Vận dụng	Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình				
		Thực hành xây dựng được chế độ dinh dưỡng cho bản thân và những người trong gia đình				
		– Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình.				
		Đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp				
		Thực hiện được dự án điều tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương; dự án điều tra một số bệnh đường tiêu hoá trong trường học hoặc tại địa phương (bệnh sâu răng, bệnh dạ dày,...)				
2.Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	Nhận biết	Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn.				
		Nêu được khái niệm nhóm máu.				
		Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương.	1		C13	
		Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó				
		Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể				
		Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh				

	Thông hiểu	Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ tuần hoàn ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn				
		Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn				
		Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn				
		Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu). Nêu được ý nghĩa của truyền máu, cho máu và tuyên truyền cho người khác cùng tham gia phong trào hiến máu nhân đạo				
		Dựa vào sơ đồ, trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người				
		Giải thích được vì sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có thể sống khỏe mạnh				
	Vận dụng	Thực hiện được các bước đo huyết áp.				
		Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình.				
	Vận dụng cao	Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu người bị chảy máu, tai biến, đột quy; băng bó vết thương khi bị chảy nhiều máu.				
		Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh cao huyết áp, tiểu đường tại địa phương.				
		Tìm hiểu được phong trào hiến máu nhân đạo ở địa phương				
3.Hệ hô hấp ở người	Nhận biết	Nêu được chức năng của hệ hô hấp.				
		Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng tránh.				
	Thông hiểu	Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp.	1	1	C14b	C8
		Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp.	1		C14a	

		Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp				
	Vận dụng	Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình.				
	Vận dụng cao	Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước.				
		Tranh luận trong nhóm và đưa ra được quan điểm nên hay				

c) Đề kiểm tra

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8

Thời gian làm bài 60 phút

I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm) Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau

Câu 1. Quá trình nào sau đây chỉ xảy ra biến đổi vật lý?

- A. Đốt cháy củi trong bếp. B. Thắp sáng bóng đèn sợi đốt.
C. Đốt sợi dây đồng trên ngọn lửa đèn cồn D. Để sợi dây thép ngoài không khí ẩm bị gỉ.

Câu 2. Phản ứng tỏa nhiệt là:

- A. Phản ứng có nhiệt độ lớn hơn môi trường xung quanh
B. Phản ứng có nhiệt độ nhỏ hơn môi trường xung quanh
C. Phản ứng có nhiệt độ bằng môi trường xung quanh
D. Phản ứng không có sự thay đổi nhiệt độ

Câu 3: Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

- A. Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng sản phẩm nhỏ hơn tổng khối lượng các chất tham gia phản ứng.
- B. Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng sản phẩm bằng tổng khối lượng các chất tham gia phản ứng.
- C. Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng sản phẩm lớn hơn tổng khối lượng các chất tham gia phản ứng.
- D. Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng sản phẩm nhỏ hơn hoặc bằng tổng khối lượng các chất tham gia phản ứng.

Câu 4. Để đánh giá mức độ xảy ra nhanh hay chậm của một phản ứng hoá học người ta dùng đại lượng nào sau đây ?

- A. Độ tan
B. Tốc độ phản ứng.
C. Nồng độ dung dịch.
D. Thể tích chất tham gia phản ứng.

Câu 5. Chất nào sau đây là acid?

- A. HCl. B. NaCl. C. Ba(OH)₂. D. MgSO₄.

Câu 6. Acetic acid có ứng dụng nào sau đây?

- A. Sản xuất chất dẻo.
- B. Xử lý PH nước bề bơi.
- C. Sản xuất chất tẩy rửa.
- D. Chế biến thực phẩm.

Câu 7. Một số biện pháp để phòng bệnh về tiêu hoá:

1. Thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm
2. Không ăn rau
3. Chế độ dinh dưỡng hợp lý
4. Xây dựng thói quen ăn uống lành mạnh
5. Sử dụng nhiều chất kích thích

- A. 1, 2, 3. B. 1, 3, 4. C. 2, 5. D. 1, 3, 5.

Câu 8: Phổi có chức năng gì trong hệ hô hấp?

- A. làm sạch, làm ẩm, làm ẩm không khí. B. dẫn khí, điều hòa lượng khí vào phổi.

C. làm sạch không khí.

D. thực hiện trao đổi khí.

Câu 9. Lấy tay tác dụng vào cánh cửa các lực khác nhau theo chiều mũi tên biểu diễn như ở hình dưới đây. Trường hợp nào lực làm quay cánh cửa?



(a)



(b)



(c)

A. (a), (b).

B. (a), (c).

C. (c).

D. (b)

Câu 10. Đơn vị đo áp suất là

A. N/m^2 .

B. N/m^3 .

C. kg/m^3 .

D. N.

II. TỰ LUẬN (7,5 điểm)

Câu 11 (1 điểm). Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng?.

Câu 12 (2 điểm). Quan sát hình bên

a) Nêu hiện tượng của phản ứng khí cho thanh kim loại magnesium tác dụng với dung dịch hydrochloric acid HCl

b) Viết phương trình hóa học của phản ứng?.



c) Tính thể tích khí Hydrogen thu được ở điều kiện chuẩn, khi hoàn tan hoàn toàn 2,4 gam magnesium trong dung dịch acid trên?.

d) Khí hydrogen thì được nặng hay nhẹ hơn không khí. Vì sao?

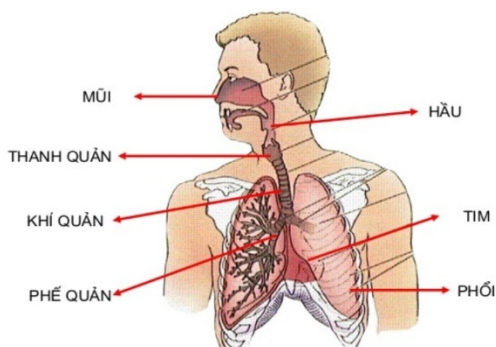
Câu 13 (1,0 điểm)

Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương).

Câu 14 (1,0 điểm)

a) Quan sát hình vẽ hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp.

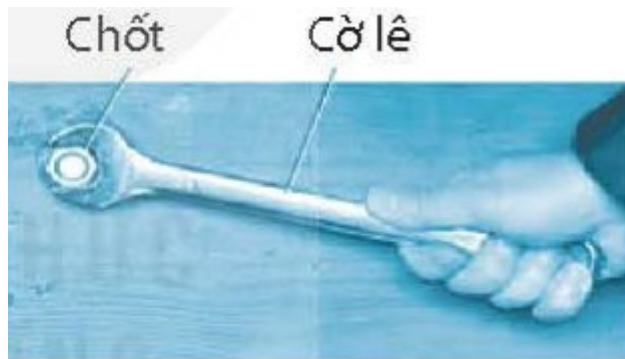
b) Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp.



Câu 15 (1,5 điểm)

a) Tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục phụ thuộc vào các yếu tố nào?

b) Hình dưới đây cho thấy một bác thợ dùng cờ lê để vặn một cái bu lông, lực tác dụng của bác thợ đẩy vào tay cầm của cờ lê làm nó quay. Dựa vào kiến thức đã học, giải thích vị trí đặt tay giải thích vị trí đặt tay của bác thợ khi dùng cờ lê.

**Câu 16 (1,0 điểm)**

Một miếng gỗ có thể tích 1 dm^3 . Biết khối lượng riêng của miếng gỗ là 970 kg/m^3

a) Tính khối lượng của miếng gỗ trên.

b) Thả miếng gỗ trên vào dầu nó nổi hay chìm? Giải thích vì sao? Biết khối lượng riêng của dầu là 800 kg/m^3 .

d) Hướng dẫn chấm**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1****I. TRẮC NGHIỆM: 2,5 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	B	B	A	D	B	D	C	A

II. TỰ LUẬN: 5 điểm

Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 11. (1,0 điểm). Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng - Nhiệt độ - Nồng độ - Diện tích tiếp xúc bề mặt - Chất xúc tác	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 12 (2 điểm) a) Xuất hiện bọt khí b) $\text{Mg} + 2\text{HCl} \longrightarrow \text{MgCl}_2 + \text{H}_2$ c) Số mol Mg là : $2,4 : 24 = 0,1 \text{ mol}$ Theo PTHH số mol $\text{H}_2 = \text{số mol Mg} = 0,1 \text{ mol}$ Thể tích khí H_2 ở điều kiện chuẩn là $V = 0,1 \times 24,79 = 2,479 \text{ lít}$ d) Khí H_2 nhẹ hơn không khí Vì có tỉ số $2 : 29 = 0,069$. Khí H_2 nhẹ hơn không khí 0,069 lần	0,25 0,5 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 13 (1,0 điểm) 1. Tiểu cầu: Tham gia bảo vệ cơ thể nhờ cơ chế làm đông máu. 2. Hồng cầu: Vận chuyển oxygen và carbon dioxide trong máu. 3. Bạch cầu: Tham gia bảo vệ cơ thể. 4. Huyết tương: Duy trì máu ở trạng thái lỏng giúp máu dễ dàng lưu thông trong mạch; vận chuyển chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và chất thải.	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 14 (1,0 điểm) - Hệ hô hấp gồm đường dẫn khí và phổi - Đường dẫn khí gồm: + Xoang mũi: làm sạch, làm ẩm, làm ấm không khí. + Hầu(họng): dẫn khí + Thanh quản: dẫn khí và phát âm + Khí quản: dẫn khí, làm sạch không khí, điều hòa lượng khí vào phổi. + Phế quản: dẫn khí, điều hòa lượng khí vào phổi	- Kể được đủ tên cơ quan được 0,25đ -Nêu được chức năng của phổi

- Phổi: thực hiện trao đổi khí với môi trường	được 0,25đ - nêu được chức năng các bộ phận đường dẫn khí được 0,5đ
Câu 15 (1,5 điểm) a) Tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục phụ thuộc vào 2 yếu tố - Lực tác dụng - Giá của lực b) Vì giá của lực càng xa trục quay thì tác dụng làm quay của lực càng lớn nên bác thợ đặt tay ở vị trí cuối cò lơ làm tăng tác dụng làm quay của lực giúp cho việc vặn chiếc bu lông dễ dàng hơn.	 0,25 0,25 0,5 0,5
Câu 16 (1,0 điểm) a) Đổi $1 \text{ dm}^3 = 0,001 \text{ m}^3$ Khối lượng của khối gỗ là $m = D \cdot V = 970 \cdot 0,001 = 0,97 \text{ kg}$ b) - Vật sẽ chìm xuống - Vì trọng lượng riêng của gỗ lớn hơn trọng lượng riêng của dầu (khối lượng riêng của gỗ lớn hơn khối lượng riêng của dầu)	 0,5 0,25 0,25